

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 29-5 -2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyền

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình

Ông Nguyễn Ch� Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Quốc Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2019/HNGĐ-ST ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1977; Địa chỉ: quận B, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1967; Địa chỉ: quận B, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Võ Thanh Tĩnh – Luật sư, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam; địa chỉ: Số 108, Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Mai Ph- Cán bộ Ngân hàng (Văn bản ủy quyền số 675 ngày 21//2017). Có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1931; địa chỉ: quận B, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 126, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Ng, bị đơn ông Nguyễn Văn Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn bà Lê Thị Ng trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 12/01/2005 tại Ủy ban nhân dân phường An Thới, quận B. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông Th thường dùng những lời lẽ thô tục để nhục mạ bà từ ngày này qua ngày khác, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 3/2015 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: có hai con chung là Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 05/02/2005 và Nguyễn Đức Th, sinh ngày 26/8/2007. Khi ly hôn thống nhất để cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản:

- Về tài sản chung: Vợ chồng cùng nhau tạo lập được tài sản chung gồm căn nhà và phần đất có diện tích 98.7m², thửa số 280, tờ bản đồ số 35 tại địa chỉ 444/31 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Ba, quận B, thành phố Cần Thơ.

Nguồn gốc căn nhà và thửa đất số 280: Thửa đất được bà Nguyễn Thị D là mẹ ruột của ông Th tặng cho ông Th vào năm 2007 và được Ủy ban nhân dân quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H004128 vào ngày 04/2/2008, người đứng tên sử dụng là ông Nguyễn Văn Th. Trên đất có xây dựng căn nhà và hàng rào: Do vợ chồng bà cùng nhau xây dựng, căn nhà gồm hai gian nhà có kết cấu 01 trệt 01 lầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ng thống nhất tổng giá trị căn nhà và hàng rào được tính theo giá thị trường tại chứng thư thẩm định giá số VL17/12/610A/TS-SVC ngày 25/12/2017 của Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thẩm định giá Tây Nam là: 709.175.000 đồng, trong đó giá trị căn nhà là 688.653.000 đồng, giá trị hàng rào là 20.521.900 đồng. Bà Ng thống nhất giá trị thửa đất 280, diện tích 98.7m² được tính theo giá thị trường tại chứng thư thẩm định giá số VL18/04/151A/TS-SVC ngày 03/4/2018 của Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thẩm định giá Tây Nam là: 819.210.000 đồng. Tổng giá trị căn nhà, hàng rào và đất là 1.528.385.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi giá trị tài sản chung nêu trên. Bà đồng ý nhận phân nửa giá trị tài sản và giao căn nhà, hàng rào và đất cho ông Th được toàn quyền sở hữu.

- Về nợ chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ng thống nhất còn nợ Ngân hàng tổng tiền gốc và lãi tính đến nay xét xử sơ thẩm (05/9/2019) là 992.692.361 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 196.729.167 đồng, nợ lãi quá hạn 95.963.194 đồng. Bà thống nhất chia đôi số nợ này với ông Th. Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm là căn nhà và đất tại địa chỉ 444/31 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ để thu hồi nợ trong trường hợp bà và ông Th không khả năng trả nợ thì bà đồng ý.

Riêng khoản nợ của bà Nguyễn Thị Ánh T: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bà Ng đều không thừa nhận có nợ bà T số tiền 293.050.000 đồng. Vì bà Ngoan cho rằng bà không biết việc bà T chuyển vào tài

khoản của ông Th tổng số tiền 293.050.000 đồng để cho ông Th mượn nên không đồng ý liên đới trả nợ cùng với ông Th khoản nợ này.

- Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ, ông Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Th thống nhất lời trình bày của bà Ng về quá trình kết hôn và con chung. Tuy nhiên theo ông Th, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà Ng không chăm lo cuộc sống gia đình và mượn nợ khắp nơi. Tháng 3/2015 bà Ng tự bỏ nhà đi đến nay nên vợ chồng không còn sống chung với nhau. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân giữa ông bà không còn hạnh phúc nên ông Th đồng ý ly hôn với bà Ng.

- Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Th xác định căn nhà và hàng rào trên đất tại địa chỉ 444/31 đường Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ là tài sản chung vợ chồng. Do căn nhà này, vợ chồng cùng nhau xây dựng trong thời kỳ hôn nhân.

Riêng phần đất thửa số 280, tờ bản đồ 35, diện tích 98.7m² tại địa chỉ 444/31 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ là tài sản riêng của ông Th. Nguồn gốc là do mẹ ruột của ông là bà Nguyễn Thị D tặng cho riêng vào ngày 13/12/2007. Ông Th được Ủy ban nhân dân quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H004128 vào ngày 04/2/2008.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th cũng thống nhất tổng giá trị căn nhà, hàng rào trên đất theo giá thị trường là 709.175.000 đồng. Ông đồng ý sở hữu toàn bộ căn nhà, hàng rào nêu trên và hoàn lại cho bà Ng phân nửa giá trị tài sản với số tiền là 354.587.500 đồng. Đối với phần đất thửa số 280, ông cũng thống nhất giá trị theo định giá thị trường là 819.210.000 đồng. Tuy nhiên đây là tài sản riêng của ông nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà Ng.

- Về nợ chung:

Nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ: tổng nợ gốc và lãi còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử(05/9/2019) là 992.692.361 đồng. Ông yêu cầu bà Ng có trách nhiệm chia đôi số nợ này. Đối với quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông Th nên ông Th không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả khoản nợ của bà Ng.

Nợ của bà Nguyễn Thị Ánh T: Từ năm 2012 đến năm 2016 ông và bà Ng có mượn nợ của bà Tuyết. Bà T nhiều lần chuyển vào tài khoản của ông Th với tổng số tiền là 293.050.000 đồng, mục đích vay là để ông kinh doanh buôn bán quần áo. Do ông và bà T là anh em với nhau nên không có làm biên nhận nợ và việc mượn tiền của bà T thì bà Ng đều biết. Tại phiên tòa ông Th thống nhất còn nợ bà T số tiền 293.050.000 đồng và ông Th yêu cầu bà Ng có trách nhiệm chia đôi số nợ này với ông trả cho bà T.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 03/01/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam(gọi tắt là Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của ngân hàng là Bà Nguyễn Thị Mai Ph trình bày:

Vào năm 2015 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ có cho ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Ng vay vốn theo hợp đồng tín dụng số 15.031.045/2015-HĐTD/NHCT820 ngày 30/10/2015 như sau: Số tiền vay: 700.000.000 đồng; Lãi suất: 7%/năm kể từ ngày 30/10/2015 đến ngày 30/4/2016, từ ngày 30/4/2016 lãi suất sẽ được điều chỉnh thả nổi theo quy định trong từng thời kỳ; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh quần áo may sẵn; Hạn cuối trả: 30/10/2016. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 98.7m² và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ hẻm 444 Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ. Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 280, tờ bản đồ 35 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H004128/AT do Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ cấp cho ông Th ngày 04/2/2008. Ông Th, bà Ng và Ngân hàng đã ký hợp đồng thế chấp số 15.31.045/HĐTC ngày 29/10/2015.

Trong quá trình trả nợ, ông Th và bà Ng vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 05/9/2019, ông Th và bà Ng còn nợ là 992.692.361 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 196.729.167 đồng, nợ lãi quá hạn 95.963.194 đồng.

Nay ông Th và bà Ng ly hôn nên ngân hàng có yêu cầu độc lập buộc ông Th và bà Ng trả nợ tổng tiền gốc và lãi là 992.692.361 đồng. Đồng thời trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp ông Th và bà Ng không khả năng trả nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là phần đất diện tích 98.7m² và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà tại địa chỉ hẻm 444 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ để thu hồi nợ. Ngân hàng đề nghị Tòa án không phân chia tài sản thế chấp đến khi Ngân hàng thu hồi xong nợ.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 10/5/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Ông Nguyễn Văn Th là anh trai của bà. Sau khi ông Th và bà Ng kết hôn thì bà Ng không có việc làm, chỉ ở nhà lo công việc nội trợ trong gia đình, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều từ công việc làm ăn buôn bán của ông Th. Trong quá trình làm ăn, do cần vốn nên ông Th và bà Ng đã nhiều lần gọi điện cho bà để mượn tiền của bà để đầu tư làm vốn mua bán. Từ năm 2012 đến năm 2016 bà T đã chuyển tiền vào tài khoản của ông Th nhiều lần với tổng số tiền là 293.050.000 đồng. Do là anh em nên giữa bà và ông Th không có giấy tờ về việc mượn tiền. Nay ông Th và bà Ng ly hôn nên bà yêu cầu ông Th và bà Ng trả số tiền 293.050.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trong quá trình giải quyết trình bày:

Bà là mẹ của ông Th, hiện bà đang ở trong căn nhà tại 444/31 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ. Năm 2007 bà D có tặng cho riêng ông Th phần đất có diện tích 98,7m² tại địa chỉ 444/31 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ. Ông Th được Ủy ban nhân dân quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H004128 ngày 04/2/2008 đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ

35, diện tích 98.7m². Bà D có lập hợp đồng tặng cho riêng ông Th vào ngày 13/12/2007 nên phần đất này không phải là tài sản chung của ông Th và bà Ng. Đối với căn nhà trên phần đất này là do ông Th và bà Ng tự xây dựng nên căn nhà trên đất là tài sản chung của vợ chồng của ông Th, bà Ng. Đối với phần đất thửa số 280 là của riêng ông Th nên bà không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của bà Ng cũng như thế chấp để trả nợ chung cho ông Th, bà Ng.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2019/HNGĐ-ST ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy đã quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Ng và ông Th.

- Về nuôi con chung: Công nhận thỏa thuận của bà Lê Thị Ng và ông Nguyễn Văn Th là giao hai con chung tên Nguyễn Đức Ng (Nam), sinh ngày 05/02/2005 và Nguyễn Đức Th (Nam), sinh ngày 26/8/2007 cho ông Nguyễn Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng. Không buộc bà Ngoan cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà Ng, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Ng đối với ông Nguyễn Văn Th về việc yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà và quyền sử dụng đất thửa số 280, tờ bản đồ 35 tại địa chỉ 444/31 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Xác định quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 280, tờ bản đồ số 35, diện tích 98,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H004128 do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho ông Nguyễn Văn Th vào ngày 04/02/2008 là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn Th trong thời kỳ hôn nhân.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ng đối với ông Nguyễn Văn Th về yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa số 280, tờ bản đồ số 35, diện tích 98,7m².

Buộc ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm giao cho bà Lê Thị Ng một khoản tiền tương ứng công sức đóng góp duy trì, phát triển quyền sử dụng đất là 21.758.680 (Hai mươi một triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi) đồng.

- Xác định căn nhà và hàng rào xây dựng trên thửa đất số 280, tờ bản đồ số 35 tại địa chỉ 444/31 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Ng trong thời kỳ hôn nhân.

Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Ng, mỗi người hưởng ½ giá trị căn nhà và hàng rào xây dựng trên đất là 354.587.500 (Ba trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng.

Ông Nguyễn Văn Th được toàn quyền sở hữu căn nhà và hàng rào xây dựng trên thửa đất 280 tại địa chỉ 444/31 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ. Ông Th có trách nhiệm hoàn lại ½ giá trị tài sản cho bà Lê Thị Ng là 354.587.500 (Ba trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng.

4. Về nợ chung:

4.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam đối với ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Ng về yêu cầu trả tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 992.692.361 đồng.

Ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Ng, mỗi người có trách nhiệm chịu phân nửa số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/9/2019) là 496.346.180 (Bốn trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi) đồng.

Buộc bà Lê Thị Ng giao cho ông Nguyễn Văn Th số tiền nợ gốc và lãi là 496.346.180 (Bốn trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi) đồng.

Ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (05/9/2019) là 992.692.361 (Chín trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi một) đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 15.031.045/2015-HĐTD/NHCT820 ngày 30/10/2015 tính sau ngày 05/9/2019 đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Th không khả năng thanh toán nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 280 theo hợp đồng thế chấp số 15.31.045/HĐTC ngày 29/10/2015 để thu hồi nợ.

4.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T đối với ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Ng về yêu cầu trả số tiền 293.050.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền 293.050.000 (Hai trăm chín mươi ba triệu, lẻ năm mươi nghìn) đồng là hết nợ.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh T đối với bà Ng về yêu cầu bà Ngoan liên đới với ông Th trả số tiền 293.050.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/9/2019 ông Th, bà Ánh T kháng cáo, ngày 20/9/2019 bà Ng kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết, cụ thể:

- Ông Th yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu và buộc bà Ng chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ của bà T.

- Bà T yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà Ng chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ mà ông Th và bà Ng nợ bà.

- Bà Ng kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xác định quyền sử dụng đất là tài sản chung của bà và ông Th, bà được hưởng $\frac{1}{2}$.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn rút kháng cáo.
- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo
- Bà T kháng cáo yêu cầu bà Ng trả phân nửa số nợ là 146.525.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T rút yêu cầu khởi kiện đòi ông Th trả 146.525.000 đồng, chỉ yêu cầu bà T trả 146.525.000 đồng. Ông Th chấp nhận việc bà T rút yêu cầu đòi ông trả nợ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc hủy hợp đồng thế chấp do đây là tài sản riêng của ông Th, chấp nhận việc bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Th.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, riêng nguyên đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Các đương sự nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án và kháng cáo: Đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Ng đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm do bà Ng rút yêu cầu kháng cáo. Đối với kháng cáo của ông Th về việc yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp là không có căn cứ, bởi hợp đồng thế chấp do các bên tự nguyện ký kết, có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng đã có hiệu lực thi hành nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đối với kháng cáo của bà T, tại phiên tòa phúc thẩm bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Th, ông Th cũng đồng ý nên đề nghị hủy và đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà T. Bà T kháng cáo yêu cầu bà Ng trả $\frac{1}{2}$ số nợ nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh là nợ chung nên đề nghị bác kháng cáo của bà T.

Về án phí dân sự sơ thẩm, cấp sơ thẩm tính chưa đúng theo quy định tại Nghị quyết 326 nên đề nghị sửa lại cho phù hợp. Ngoài ra cấp sơ thẩm không tuyên trách nhiệm trả nợ liên đới cho Ngân hàng là thiếu sót và ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Thanh, cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “ly hôn, nuôi con, tranh chấp về chia tài sản và nợ chung” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Ng nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhận thấy:

[2.1] Thửa đất số 280, tờ bản đồ 35, diện tích 98.7m² tại địa chỉ 444/31 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H004128 do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho ông Nguyễn Văn Th vào ngày 04/02/2008. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th có xác nhận trích lục của Văn phòng đăng ký đất đai quận B, trong đó có hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà D và ông Th vào ngày 13/12/2007 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường An Thới, quận B, xác định: Thửa đất số 280, tờ bản đồ 35, diện tích 98.7m² có nguồn gốc là thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị D. Vào ngày 13/12/2007 bà D tặng cho riêng con ruột là ông Nguyễn Văn Th. Bà D cũng thống nhất là cho riêng ông Th.

Từ những căn cứ trên, cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất thửa đất số 280, tờ bản đồ 35, diện tích 98.7m² tại địa chỉ 444/31 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B là tài sản riêng của ông Th là có căn cứ. Bà Ng kháng cáo yêu cầu công nhận là tài sản chung của bà và ông Th nhưng có đơn rút kháng cáo nên cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Ng.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp bất động sản ngày 29/10/2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ với ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Ng được các bên tự nguyện ký kết, phù hợp pháp luật, có công chứng cùng ngày và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực pháp luật thi hành, ông Th kháng cáo yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu là không có căn cứ.

Tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của luật này. Điều 37 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: tại khoản 1 “*Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập...*”.

Như vậy, ông Th, bà Ng phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng, trong đó mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ số nợ. Cấp sơ thẩm không buộc ông Th, bà Ng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ là thiếu sót, ngoài ra tuyên buộc bà Ng trả ½ số nợ cho ông Th, để ông Th trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng là không đúng do các đương sự không thỏa thuận vấn đề này, việc tuyên như vậy sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Th nên cần điều chỉnh lại việc tuyên án cho phù hợp pháp luật. Về trách nhiệm liên đới được thực hiện theo Điều 268 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Đối với kháng cáo của bà T yêu cầu bà Ng chịu trách nhiệm trả ½ số nợ, nhưng bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh khoản nợ này là nợ chung của ông Th và bà Ng, trong khi bà Ng không thừa nhận, còn lời khai của ông Th không được khách quan do là anh ruột của bà T nên kháng cáo này không được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Th, ông Th đồng ý nên Hội đồng xét xử hủy án và đình chỉ giải quyết phần này.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí là 3.300.000 (Ba triệu ba trăm nghìn) đồng. Ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Ng, mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$. Do bà Ng đã tạm nộp trước số tiền này để thanh toán nên ông Th phải trả lại cho bà N 1.650.000 đồng.

- Về án phí:

Tại điểm a khoản 7 Nghị quyết 326 Quy định về chế độ án phí Tòa án có quy định: ...*Trường hợp Tòa án xác định tài sản chung mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch*. Như vậy, bà Ng yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất thửa số 280 nhưng đây không phải là tài sản chung của vợ chồng, cấp sơ thẩm buộc bà Ng chịu án phí có giá ngạch là chưa phù hợp, cần sửa lại cho phù hợp.

Tại điểm b khoản 7 Nghị quyết 326 về chế độ án phí Tòa án có quy định: *Trường hợp đương sự đề nghị chia tài sản chung mà cần xem xét việc thực hiện nghĩa vụ tài sản đối với người thứ ba từ tài sản chung thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản đương sự được chia sau khi trừ đi giá trị thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba; các đương sự phải chịu án phí một phần án phí ngang nhau đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ bên thứ ba theo quyết định của Tòa án*. Do tài sản chung của ông Th và bà Ng chưa đủ trả nợ cho Ngân hàng nên không phải chịu án phí phần chia tài sản chung này, cấp sơ thẩm buộc ông Th và bà Ng chịu án phí phần này là chưa phù hợp.

Ông Th, bà Ng cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 992.692.361 đồng nên phải chịu án phí là 41.780.000 đồng, tức mỗi người phải chịu 20.890.000 đồng.

Đối với số tiền tạm ứng án phí của bà Ng cấp sơ thẩm không tuyên khấu trừ vào số tiền án phí là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Bà T khởi kiện yêu cầu bà Ng trả số nợ 146.525.000 đồng nhưng không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí 5%.

Bà Ng kháng cáo nhưng rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa nên bà Ng phải chịu án phí phúc thẩm 150.000 đồng.

Ông Th, bà T kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành gồm: Về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối kháng cáo của bà Lê Thị Ng vì rút toàn bộ kháng cáo.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ánh T.

Sửa án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về chia tài sản chung:

1.1. Xác định căn nhà và hàng rào xây dựng trên thửa đất số 280, tờ bản đồ số 35 tại địa chỉ 444/31 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Ng trong thời kỳ hôn nhân.

Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Ng, mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và hàng rào xây dựng trên đất là 354.587.500 (*Ba trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm*) đồng.

Ông Nguyễn Văn Th được toàn quyền sở hữu căn nhà và hàng rào xây dựng trên thửa đất 280 tại địa chỉ 444/31 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận B, thành phố Cần Thơ. Ông Th có trách nhiệm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho bà Lê Thị Ng là 354.587.500 (*Ba trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm*) đồng.

1.2. Xác định quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 280, tờ bản đồ số 35, diện tích 98,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H004128 do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho ông Nguyễn Văn Th vào ngày 04/02/2008 là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn Th trong thời kỳ hôn nhân.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ng đối với ông Nguyễn Văn Th về yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa số 280, tờ bản đồ số 35, diện tích 98,7m².

Buộc ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm giao cho bà Lê Thị Ng một khoản tiền tương ứng công sức đóng góp duy trì, phát triển quyền sử dụng đất là 21.758.680 (*Hai mươi một triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi*) đồng.

2. Về nghĩa vụ trả nợ:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Ng chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/9/2019) là 992.692.361 đồng (bao gồm: nợ gốc 700.000.000 đồng và nợ lãi 292.692.361 đồng); Trong đó, ông Nguyễn Văn Th

và bà Lê Thị Ng mỗi người có trách nhiệm trả phân nửa số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/9/2019) là 496.346.180 (*Bốn trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi*) đồng.

Ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Ng vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo số nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng số 15.031.045/2015-HĐTD/NHCT820 ngày 30/10/2015 tính từ ngày 06/9/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Th, bà Ng không khả năng thanh toán nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 280 theo hợp đồng thế chấp số 15.31.045/HĐTC ngày 29/10/2015 để thu hồi nợ.

2.2. Hủy và đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T đối với ông Nguyễn Văn Th.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T đối với bà Ng về yêu cầu bà Ng trả số tiền 146.525.000 đồng.

3. Về Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bà Lê Thị Ng phải chịu 1.650.000 đồng, công nhận đã nộp và chi xong.

Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 1.650.000 đồng để chuyển trả lại cho bà Lê Thị Ngoan.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phần chia tài sản không được chấp nhận và 20.890.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tổng án phí bà Ng phải chịu 21.190.000 đồng và 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào 17.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 006593 ngày 08/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận B; bà Ng còn phải nộp thêm 3.940.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 20.890.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 7.326.500 đồng, được khấu trừ vào 7.027.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 007332 ngày 10/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, bà T còn phải nộp thêm 299.500 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.263.000 (Mười sáu triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu số 007074 ngày 06/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy.

- Án phí phúc thẩm:

Bà Lê Thị Ng phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 004083 ngày 20/9/2019 của Chi

cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy; bà Ng được nhận lại 150.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 004077 ngày 18/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy; bà T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 004076 ngày 18/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy; ông Th đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành gồm: Về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND-TPCT
- TAND Q.Bình Thủy
- Các đương sự
- Chi Cục THADS Q.Bình Thủy
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quyền

